

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện Chương trình PforR năm 2017

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi

Thực hiện Văn bản số 598/TCTL-NN ngày 11/12/2017 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình PforR năm 2017; xét đề nghị của Sở Nông nghiệp & PTNT tại văn bản số 123/SNN&PTNT-KH ngày 26/01/2018. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, báo cáo như sau:

#### 1. Đặc điểm tình hình của tỉnh

##### 1.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng Thế giới, Ban Điều phối Chương trình Nước sạch và VSMT nông thôn, Trung tâm Quốc gia Nước sạch và VSMT nông thôn, sự phối hợp của các cấp, ngành, tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương và nhân dân.

- Có sự phối hợp giữa các ngành, cơ quan liên quan của tỉnh: Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Giáo dục và Đào tạo,...; sự tham gia, hưởng ứng tích cực của người dân trong việc đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt và công trình vệ sinh môi trường.

##### 1.2. Khó khăn

- Chương trình PforR lần đầu tiên được Ngân hàng Thế giới áp dụng thí điểm tại Việt Nam nên quá trình thực hiện còn nhiều lúng túng, các văn bản hướng dẫn thực hiện chưa kịp thời. Các chỉ số kết quả đầu ra của tỉnh cao, đặc biệt là chỉ số đầu nối nước mới hoạt động DLI I và chỉ số số người được cấp nước từ công trình bền vững DLI III

- Chương trình MTQG Nước sạch và VSMT nông thôn kết thúc năm 2015 và được lồng ghép vào Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để tiếp tục thực hiện; vì vậy nguồn vốn đầu tư không được hỗ trợ từ NSTW; nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới từ Bộ Tài chính chuyển về tỉnh hàng năm rất chậm (tháng 10 hằng năm), ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện Chương trình.

- Kinh phí đóng góp của người dân hưởng lợi từ các dự án cấp nước tập trung theo quy định chưa thực hiện được do điều kiện kinh tế, thu nhập của người dân còn thấp.

- Chưa có sự phối hợp tốt giữa các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình. Một số công trình nước sạch và nhà vệ sinh trường học chưa đảm bảo yêu cầu theo tiêu chí của Chương trình.

- Quá trình phê duyệt thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu, thi công xây

  
1



dựng các công trình nhà vệ sinh cho trường học, trạm y tế chậm, ảnh hưởng tới kết quả thực hiện Chương trình.

- Chương trình chưa có kinh phí hỗ trợ cho Ban chỉ đạo, ban giám sát tại các tuyến. Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá về các chỉ số vệ sinh như: nhà tiêu hộ gia đình, công trình cấp nước và vệ sinh công cộng (trường học, trạm y tế xã) còn nhiều bất cập, số liệu điều tra chưa thống nhất giữa các ngành. Hướng dẫn về cơ chế tài chính nguồn vốn sự nghiệp muợn nên khó khăn trong quá trình triển khai.

- Công tác truyền thông chưa tạo được sự thay đổi lớn về hành vi của người dân trong sử dụng nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh, thực hiện hành vi vệ sinh cá nhân và giữ gìn vệ sinh môi trường công cộng.

## **2. Kết quả đạt được**

### **2.1. Hợp phần cấp nước**

#### **2.1.1. Số đầu nối sử dụng nước mới (DLI I)**

- Chỉ tiêu năm 2017: 7.770 hộ đầu nối, đến ngày 25/12/2017 đã có 9.356 hộ đầu nối đồng hồ đạt 120% so với kế hoạch.

- Tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình như sau:

+ 04 dự án (cấp nước SHTT liên xã Tứ Trung - Ngũ Kiên huyện Vĩnh Tường; cấp nước SHTT xã Thái Hòa - TT Hoa Sơn huyện Lập Thạch; cấp nước SHTT liên xã Hồng Phương - Liên Châu huyện Yên Lạc; Đại Tự huyện Yên Lạc – Phú Đa huyện Vĩnh Tường) đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, cấp nước cho nhân dân. Các công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

+ 01 dự án (cấp nước SHTT 12 xã huyện Vĩnh Tường) triển khai thi công tháng 3/2016 với 5/7 gói thầu cung cấp nước cho 7/12 xã; 2/7 gói được khởi công từ tháng 3/2017 cung cấp nước cho 5/12 xã. 05 gói thầu thi công từ tháng 3/2016 gồm: Công trình thu và trạm bơm cấp I công suất 11.500 m<sup>3</sup>/ngđ; Khu xử lý, trạm bơm cấp II công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm bơm tăng áp công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngđ; tuyến ống truyền tải, phân phối dịch vụ của 7 xã thuộc dự án và các công trình phụ trợ trạm biến áp, đường dây trung thế, đồng hồ đã lắp đặt được 5.260 đồng hồ hộ gia đình, bơm nước cho nhân dân sử dụng từ ngày 15/01/2018 và tiếp tục lắp đặt thêm đầu nối mới cho các hộ đăng ký sử dụng.

#### **2.1.2. Số người hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững (DLI III)**

Chỉ tiêu năm 2017: 47.190 người, đến ngày 25/12/2017 đã có 59.352 người được hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững, đạt 128% so với kế hoạch.

### **2.2. Hợp phần vệ sinh**

#### **2.2.1. Sơ Y tế (Trung tâm Y tế dự phòng) thực hiện**

##### **a) Tăng tỷ lệ nhà tiêu hộ gia đình**

- Mục tiêu xây dựng 3.330 nhà tiêu trên toàn tỉnh, đến ngày 30/12/2017 đã có 2.768 nhà tiêu được xây dựng, đạt 81% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Đã hỗ trợ xây dựng 750 nhà tiêu xây mới cho các hộ nghèo, chính sách và cận nghèo tại các xã “vệ sinh toàn xã” năm 2017;

+ Tuyên truyền vận động các hộ dân tự đầu tư xây dựng mới đạt 2.018 nhà tiêu HVS trên địa bàn toàn tỉnh;

*b) Xây dựng công trình cấp nước và nhà tiêu HVS cho trạm y tế xã*

Xây dựng mới công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh tại các trạm y tế xã Cao Minh, Nam Viêm – thị xã Phúc Yên; Cải tạo công trình nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh tại xã Đồng Cương – huyện Yên Lạc và xã Duy Phiên – huyện Tam Dương; Công trình chuẩn bị khởi công, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng và kiểm đếm kết quả Chương trình năm 2017.

**2.2.2 Sở Giáo dục & Đào tạo**

Xây dựng mới và sửa chữa các công trình nhà vệ sinh trường học cho giáo viên và học sinh, công trình cấp nước trường học trên địa bàn 6 xã mục tiêu đạt “vệ sinh toàn xã”: Công trình chuẩn bị khởi công, dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng và kiểm đếm kết quả Chương trình năm 2017.

**2.2.3 Vệ sinh toàn xã**

Các xã đạt vệ sinh toàn xã năm 2017 gồm 06 xã (xã Yên Bình - huyện Vĩnh Tường; xã Đồng Cương, Liên Châu - huyện Yên Lạc; xã Duy Phiên - huyện Tam Dương; xã Cao Minh, Nam Viêm - thị xã Phúc Yên) và 05 xã không đạt VSTX từ các năm trước chuyển sang (xã Bình Định, Hồng Phương – huyện Yên Lạc; xã Ngũ Kiên, xã Thượng Trưng - huyện Vĩnh Tường; Xã Kim Long - huyện Tam Dương).

- Số xã đạt vệ sinh toàn xã đến hết năm kế hoạch 2017: 11/11 xã, kết quả các tiêu chí đánh giá:

+ 100% HGD có nhà tiêu tại các xã VSTX: 11/11 xã, đạt 100% kế hoạch;

+ 70% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh tại các xã VSTX: 11/11 xã, đạt 100% kế hoạch;

+ Trạm y tế có nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh: 11/11 trạm y tế, đạt 100% kế hoạch;

+ Trường học có nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh: 11/11 xã, đạt 100% KH;

- Số người dân được hưởng lợi từ vệ sinh toàn xã: 89.573/30.540 người, đạt 293% kế hoạch.

**2.2.4 Số xã VSTX mà các trường học và trạm y tế duy trì được tình trạng vệ sinh.**

Số xã duy trì tình trạng vệ sinh tại các xã VSTX năm 2017 là 20 xã.

**2.3. Hợp phần Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát thực hiện Chương trình**

**a) Sở Y tế (Trung tâm Y tế dự phòng)**

- Tổ chức được 24/24 lớp truyền thông tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường.

- Tổ chức lễ phát động, chiến dịch truyền thông 6/6 đợt; phát Poster 3.000/3.000 tờ; treo băng rôn truyền thông 224/224 cái; lắp đặt Pano tại 6 xã 12/12 cái.

*Xu*

- Giám sát xây dựng nhà tiêu hộ gia đình, trạm y tế và đánh giá đầu ra nhà tiêu hợp vệ sinh tại 6 xã thực hiện Chương trình.

**b) Sở Nông nghiệp và PTNT (Trung tâm Nước sạch & VSMT nông thôn)**

- Phối hợp với UBND các xã có dự án cấp nước tuyên truyền vận động các hộ gia đình tăng cường đầu tư sử dụng nước, đóng góp kinh phí 10% xây dựng công trình;

- Tập huấn truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân tham gia thực hiện Chương trình 40/40 lớp; 03/03 chiến dịch tuyên truyền; xây dựng 05/05 áp phích tuyên truyền tại các xã Trung Hà, Trung Kiên, Yên Phương huyện Yên Lạc, các xã Sơn Đông, Vân Trục huyện Lập Thạch; đưa tin, Viết tin, bài tuyên truyền về sử dụng nước sạch & VSNT (80 tin bài); Thay bạt áp phích tuyên truyền về xây dựng sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước sạch tập trung.

**c) Sở Giáo dục & Đào tạo**

Hoàn thành các lớp tập huấn về nước sạch và vệ sinh môi trường cho giáo viên, học sinh tại các trường học công lập của các xã đạt vệ sinh toàn xã.

**2.4. Tình hình thực hiện về giải ngân**

**Tổng nguồn vốn được giao : 114.136 triệu đồng**

- Trong đó, theo nguồn vốn :

+ Vốn WB chuyển dư năm 2016 : 59.636 triệu đồng

+ Vốn WB năm 2017 : 54.500 triệu đồng

- Theo Hợp phần:

Chuyển dư năm 2016 :

+ Hợp phần I (Cấp nước) : 50.705 triệu đồng

+ Hợp phần II (Vệ sinh) : 8.370 triệu đồng

+ Hợp phần III (Truyền thông, nâng cao năng lực): 561 triệu đồng

Vốn năm 2017 :

+ Hợp phần I (Cấp nước) : 50.000 triệu đồng

+ Hợp phần II (Vệ sinh) : 2.000 triệu đồng

+ Hợp phần III (Truyền thông, nâng cao năng lực): 2.500 triệu đồng

**Giải ngân đến 30/12/2017: 92.175 triệu đồng, đạt 80,76%.**

Trong đó, theo nguồn vốn:

+ Vốn WB chuyển dư năm 2016 : 49.691 triệu đồng

+ Vốn WB năm 2017 : 42.484 triệu đồng

Theo Hợp phần:

+ Hợp phần I (Cấp nước) : 86.280 triệu đồng

+ Hợp phần II (Vệ sinh) : 4.895 triệu đồng

+ Hợp phần III (Truyền thông, nâng cao năng lực): 1.000 triệu đồng.

**3. Đánh giá kết quả**

**3.1. Mặt được**



- Chương trình đã góp phần vào việc cải thiện các điều kiện cung cấp nước sạch, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường cho người dân khu vực nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ chính sách có điều kiện kinh tế khó khăn.

- Nâng cao sự hiểu biết của người dân về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường, hiểu được tầm quan trọng và áp dụng xây dựng, sử dụng các công trình cấp nước tập trung, cấp nước hộ gia đình, công trình vệ sinh hộ gia đình và nơi công cộng, ...

- Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông được tăng cường, có sự phối hợp giữa các cấp, ngành với các cơ quan truyền thông đại chúng.

### **3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Kết quả một số chỉ số giải ngân DLI chưa đáp ứng yêu cầu:

+ Chỉ số DLI II (số nhà tiêu HVS xây mới) không đạt yêu cầu do chỉ số yêu cầu của Ngân hàng Thế giới cao, nguồn vốn đối ứng của tỉnh hạn chế dẫn đến không đủ kinh phí thực hiện chỉ tiêu yêu cầu của Chương trình.

+ Chỉ số DLI I (số đầu nối sử dụng nước); DLI III (số người hưởng lợi từ công trình cấp nước bền vững) năm 2017 vượt kế hoạch được giao, tuy nhiên tổng số từ đầu Chương trình không đạt yêu cầu do chỉ số yêu cầu cao; các năm trước không đạt kế hoạch do các công trình thuộc Chương trình triển khai thi công chậm.

+ Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn, sự phối hợp giữa các bên liên quan trong công tác bồi thường GPMB chưa cao dẫn đến chậm tiến độ các dự án cấp nước.

- Có sự phối hợp của các ngành Nông nghiệp & PTNT, Y tế, Giáo dục & Đào tạo, tuy nhiên chưa chủ động và chặt chẽ. Công tác thống kê, báo cáo còn yếu và chậm trễ, số liệu kết quả đánh giá chưa chính xác. Công tác giám sát chất lượng nước tại các địa điểm trường học và trạm y tế gặp nhiều khó khăn.

- Hiểu biết của nhân dân về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đối với sức khỏe còn nhiều hạn chế, việc huy động các nguồn lực của địa phương và nhân dân tham gia xây dựng chương trình còn gặp nhiều khó khăn.

### **4. Giải pháp khắc phục**

- Năm 2017, UBND tỉnh cho ứng trước nguồn vốn WB phân bổ hàng năm và bổ sung vốn đối ứng từ ngân sách địa phương cho các đơn vị để kịp thời triển khai thực hiện Chương trình.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp cấp nước có đầu nối cho khu vực nông thôn kiểm đếm đầu nối sử dụng nước; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án kêu gọi đầu tư xã hội hóa để tính kiểm đếm kết quả DLI I vào Chương trình.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan tăng cường phối hợp thực hiện chương trình, tham gia đầy đủ các hội nghị do chương trình PforR tổ chức; lập kế hoạch, báo cáo đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu; rà soát và hoàn thành các tiêu chí đánh giá kết quả của Chương trình trước khi kiểm đếm kết quả,...

- Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước sinh hoạt hiện có; truyền thông, giáo dục, nâng cao năng lực

các tuyến, vận động cộng đồng tham gia Chương trình.

**5. Kiến nghị, đề xuất:**

- Đề nghị Ngân hàng Thế giới giảm tiêu chí đối với công trình cấp nước bền vững được xác định đối với công trình sau 02 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động thành 01 năm, lý do: Các dự án cấp nước tập trung triển khai trong thời gian cuối của Chương trình (năm 2016 - 2018) mới hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nếu theo tiêu chí cũ sau 02 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động các công trình này sẽ không đủ điều kiện của công trình cấp nước bền vững.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT: Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan phân bổ nguồn vốn vay WB hằng năm sớm, đảm bảo tiến độ.

*(Chi tiết kết quả thực hiện có các Phụ lục kèm theo).*


Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trân trọng báo cáo./ 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- CPCT, CPVP;
- Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam;
- Các Sở: NN&PTNT, Y tế, GD&ĐT, TC.
- Trung tâm Nước sạch & VSMTNT;
- Trung tâm Y tế dự phòng;
- Lưu: VT, NN3.

(14b) 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

  
Vũ Chí Giang